

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY (CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN) THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo quyết định số 484/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 03 năm 2016)

STT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			68									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			12									
1	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	ITL112	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	2	2								
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Basic Principles of Marxist-Leninism 1	IDEO111	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	2	2								
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Basic Principles of Marxist-Leninism 2	IDEO121	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	3		3							
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Revolutionary line of the Vietnamese Communist Party	IDEO232	TTHCM&ĐLCMĐCSVN	3			3						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	IDEO233	TTHCM&ĐLCMĐCSVN	2				2					
I.2	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			34									
6	Vật lý đại cương I	University Physics I	PHYSC2013	Vật lý	4			4						
7	Toán I	Calculus I	MATHC2013	Toán học	4			4						
8	Hoá học đại cương I	University Chemistry I	CHEMC2013	Hóa học	3			3						
9	Toán II	Calculus II	MATHC2024	Toán học	4				4					
10	Hoá học đại cương II	University Chemistry II	CHEMC2024	Hóa học	3				3					
11	Thí nghiệm hoá học đại cương	University Chemistry Lab	CHEMC2034	Hóa học	1				1					
12	Vật lý đại cương II	University Physics II	PHYSC2024	Vật lý	4				4					
13	Toán III	Calculus III	MATHC3035	Toán học	4					4				
14	Xác suất thống kê	Engineering Statistics	INEG3017	Toán học	3						3			
15	Phương trình vi phân thường	Differential Equations	MATHC3046	Toán học	4						4			
I.3	Tiếng Anh	English			22									
16	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nghe 1	Advanced English - Listening Skill 1	ENGL1011	Tiếng Anh	2	2								
17	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nói 1	Advanced English - Speaking Skill 1	ENGL1021	Tiếng Anh	2	2								

STT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
18	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Đọc 1	Advanced English - Reading Skill 1	ENGL1031	Tiếng Anh	2	2								
19	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Viết 1	Advanced English - Writing Skill 1	ENGL1041	Tiếng Anh	2	2								
20	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nghe 2	Advanced English - Listening Skill 2	ENGL1052	Tiếng Anh	2		2							
21	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nói 2	Advanced English - Speaking Skill 2	ENGL1062	Tiếng Anh	2		2							
22	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Đọc 2	Advanced English - Reading Skill 2	ENGL1072	Tiếng Anh	2		2							
23	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Viết 2	Advanced English - Writing Skill 2	ENGL1082	Tiếng Anh	2		2							
24	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Civil Engineering	ENGL1092	Tiếng Anh	3		3							
25	Viết luận 1	Composition 1	COMPC2013	Tiếng Anh	3						3			
I.4	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165 (tiết)	165*								
I.5	Giáo dục thể chất	Physical Education		Giáo dục thể chất	5*	1*	1*	1*	2*					
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			83									
II.1	Kiến thức bắt buộc				77									
26	Giới thiệu về khoa học kỹ thuật 1	Introduction to Engineering 1	GNEG2013	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1			1						
27	Giới thiệu về khoa học kỹ thuật 2	Introduction to Engineering 2	GNEG2023	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1			1						
28	Vẽ kỹ thuật xây dựng	Engineering Drawings	GNEG3035	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
29	Tĩnh học	Statics	MEEG2014	Cơ học kỹ thuật	3				3					
30	Nhập môn CAD	Introduction to CAD	GNEG4037	Đồ họa kỹ thuật	2				2					
31	Trắc địa	Surveying Systems	CVEG3015	Trắc địa	3					3				
32	Thực tập trắc địa	Surveying Systems Lab	CVEG3025	Trắc địa	1					1				
33	Sức bền vật liệu	Mechanics of Materials	CVEG3035	Sức bền kết cấu	3					3				
34	Địa chất công trình	Geology for Engineers	GEOL3015	Địa kỹ thuật	3					3				
35	Thí nghiệm địa chất công trình	Geology for Engineers Laboratory	GEOL3025	Địa kỹ thuật	1					1				
36	Động lực học	Dynamics	MEEG3025	Cơ học kỹ thuật	3					3				
37	Cơ học kết cấu	Structural Analysis	CVEG4057	Sức bền kết cấu	4						4			
38	Vật liệu xây dựng	Structural Materials	CVEG3046	Vật liệu xây dựng	3						3			
39	Thủy lực	Hydraulics	HYDR3016	Thủy lực	3						3			

STT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
7	Đồ án thiết kế thủy công	Hydraulic Structures Design Project	CVEG4249	Thủy công	3									3
8	Nhiệt động học	Thermodynamics	MEEG3035	Công nghệ cơ khí	3									3
Tổng cộng (I + II)		Total			151	12	14	18	19	18	20	19	19	12

Lưu ý:

- Môn học Đồ án thiết kế kết cấu (CVEG4199) có môn học song hành bắt buộc là môn Thiết kế hệ thống kết cấu (CVEG4169)
- Môn học Đồ án thiết kế giao thông (CVEG4209) có môn học song hành bắt buộc là môn Thiết kế hình học (CVEG4219)